

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VỤ BẢN
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 08/2025/HNGĐ-ST

Ngày 26/3/2025

V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VỤ BẢN, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: ông Trần Đức Cường.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Quốc Mậu.

Bà Nguyễn Thị Dung.

- Thư ký phiên tòa: bà Bùi Kiều Trang, là Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: ông Phạm Ngọc Dũng, là Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2025, tại Tòa án nhân dân huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 115/2024/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2024 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: ông Đoàn Bình Đ, sinh năm 1978.

2. Bị đơn: bà Trần Thị T, sinh năm 1980.

Cùng nơi cư trú: thôn T, xã Đ, huyện V, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa, ông Đ và bà T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và bản tự khai tại Tòa án, nguyên đơn ông Đoàn Bình Đ trình bày:

Ông Đ và bà Trần Thị T kết hôn với nhau tự nguyện và đã đăng ký kết hôn vào ngày 21 tháng 3 năm 2023 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện V, tỉnh Nam Định. Quá trình chung sống do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thiếu sự tôn trọng nhau dẫn đến không hòa hợp, thường xuyên cãi nhau, giận dỗi nhau. Ông Đ và bà T đã sống ly thân và chấm dứt quan hệ tình cảm với nhau từ tháng 8 năm 2024 đến nay, mỗi người một nơi và không còn quan tâm chăm sóc đến nhau nữa. Nay ông Đ xác định hôn nhân không có hạnh phúc, ông không còn tình cảm với bà T, vợ

chồng không có khả năng đoàn tụ với nhau nên ông đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn bà T.

Về con chung: giữa ông Đ và bà T không có. Về tài sản, nợ chung và những vấn đề khác có liên quan: ông Đ không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết.

** Đối với bị đơn bà Trần Thị T:*

Bà T đã nộp đơn phản tố yêu cầu Tòa án chia tài sản chung của vợ chồng bà gồm: một chiếc xe ô tô nhãn hiệu Outlander, biển kiểm soát 18A-XXX.XX và khoản vay nợ 400.000.000 đồng tại Ngân hàng TMCP V - Chi nhánh N - PGD T. Tòa án nhân dân huyện Vụ Bản đã ra thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung đơn phản tố và bổ sung tài liệu, chứng cứ nhưng bà T không sửa đổi, bổ sung đơn phản tố theo yêu cầu của Tòa án và không bổ sung tài liệu, chứng cứ kèm theo đơn phản tố.

Bà T có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định chuyển hồ sơ vụ án đến Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam để giải quyết theo thẩm quyền nhưng không cung cấp căn cứ về nơi cư trú của bà T cho Tòa án biết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà T đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, được triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án tham gia tố tụng và không có ý kiến gì về việc giải quyết vụ án.

** Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Ông Đ và bà T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện V, tỉnh Nam Định vào ngày 21 tháng 3 năm 2023, đây là cuộc hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 8 năm 2024, không còn quan tâm đến nhau. Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51 và 56 của Luật Hôn nhân và gia đình xử lý hôn giữa ông Đ và bà T. Về con chung: giữa hai người không có con chung. Về tài sản và những vấn đề khác có liên quan: ông Đ và bà T không yêu cầu giải quyết. Về án phí ly hôn sơ thẩm: căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội để buộc ông Đ phải nộp án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn là bà Trần Thị T có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn T, xã Đ, huyện Vụ bản, tỉnh Nam Định. Bà T

có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định chuyển hồ sơ vụ án đến Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam để giải quyết theo thẩm quyền nhưng không cung cấp căn cứ về nơi cư trú của bà T cho Tòa án biết. Công an xã T, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam đã có văn bản trả lời với nội dung: “Qua kiểm tra hiện tại trên hệ thống Cơ sở dữ liệu Quốc gia về dân cư trên địa bàn xã T không có công dân Trần Thị T, sinh năm 1980 có đăng ký hộ khẩu thường trú hay đăng ký tạm trú tại địa phương”. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án dân sự về việc ly hôn giữa nguyên đơn là ông Đ và bị đơn là bà T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa, nguyên đơn là ông Đ vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn là bà T được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Đ và bà T.

[2] Về hôn nhân: Giữa ông Đ và bà T kết hôn với nhau tự nguyện, đã đăng ký kết hôn ngày 21 tháng 3 năm 2023 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện V, tỉnh Nam Định theo đúng quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Đời sống vợ chồng giữa ông Đ và bà T không hạnh phúc, vợ chồng đã sống ly thân, không còn sự quan tâm, chăm sóc, chia sẻ với nhau. Xét thấy, ông Đ bà T đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc giải quyết cho ông Đ ly hôn bà T là có căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Ông Đ trình bày là giữa ông và bà T không có con chung, bà T không có ý kiến gì về con chung.

[4] Về tài sản và nợ chung: Ông Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, bà T đã nộp đơn phản tố yêu cầu Tòa án chia tài sản chung của vợ chồng bà T là một chiếc xe ô tô Outlander và khoản vay nợ 400.000.000 đồng tại Ngân hàng TMCP V nhưng không sửa đổi, bổ sung đơn phản tố theo yêu cầu của Tòa án và không bổ sung tài liệu, chứng cứ kèm theo đơn phản tố. Vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 193 và khoản 1 Điều 194 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định đã trả lại đơn phản tố cho bà T.

Những vấn đề khác có liên quan, ông Định không đề nghị giải quyết. Bà T không có ý kiến gì.

Do vậy, về con chung giữa ông Đ và bà T không có. Về tài sản, nợ chung và những vấn đề khác có liên quan Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy

ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí Tòa án. Ông Đ có nghĩa vụ nộp án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Ông Đ và bà T có quyền kháng cáo bản án này theo quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vĩ các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho ông Đoàn Bình Đ ly hôn bà Trần Thị T.

2. Về án phí: Ông Đoàn Bình Đ phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông Đ đã nộp 300.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0000916 ngày 16 tháng 10 năm 2024, ông Đ đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Ông Đoàn Bình Đ và bà Trần Thị T có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện Kiểm sát ND huyện Vụ Bản;
- Tòa án ND tỉnh Nam Định;
- Viện Kiểm sát ND tỉnh Nam Định;
- Chi cục Thi hành án DS huyện Vụ Bản;
- Ủy ban ND xã Đ, huyện V;
- Lưu: Văn phòng Tòa án, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký và đóng dấu)

Trần Đức Cường